TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ TUY HÒA** **TỈNH PHÚ YÊN**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 100/2024/DS-ST
Ngày 31/10/ 2024
Tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TUY HÒA - TỈNH PHÚ YÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Lệ Siêng

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lương Công Hạnh và ông Huỳnh Khắc Hiếu.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Thùy Dung – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên tham gia phiên tòa: ông Nguyễn Thành Sơn – Kiểm sát viên.

Trong ngày 31 tháng 10 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 108/2024/TLST-DS ngày 27 tháng 5 năm 2024 về "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 136/2024/QĐXXST-DS ngày 19 tháng 8 năm 2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Trần Thị Kim L, sinh năm 1958; Địa chỉ: Đ, phường P, thành phố T, tỉnh Phú Yên. Có mặt.

Bị đơn: Nguyễn Văn M – sinh năm 1966; Địa chỉ: khu phố X, phường P, thành phố T, tỉnh Phú Yên. Có mặt

Trần Thị T1 – sinh năm 1967, bà Trần Thị T1 ủy quyền cho chị Nguyễn Thị Mỹ D – sinh năm 1991; Địa chỉ: khu phố X, phường P, thành phố T, tỉnh Phú Yên. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa nguyên đơn trình bày: Trước đây bà T1 mua bán quần áo tại chợ Phú Lâm, chơi nhiều chân huê với tôi, chân huê này kết thúc thì tiếp tục chân huê khác, vào năm 2018 bà Trần Thị T1 và ông Nguyễn Văn M đến nhà tôi năn nỉ cho rút 02 chân huê để lo đám cưới cho con gái lớn, lo đóng tiền học phí cho con gái nhỏ. Tôi đồng ý cho hốt 02 chân huê, nhưng sau đó ông bà không thực hiện đóng huê như thỏa thuận. Sau 02 tháng không góp huê, tôi theo đòi thì vợ chồng bà T1 viết giấy nợ ngày 05/5/2019 nhận nợ 105.000.00đồng, hẹn mỗi tháng trả 4.000.000đồng. Nhưng bà T1, ông Mai không trả, bà T1 có nhờ con gái Nguyễn Thị Mỹ D, và chị Nguyễn Thị Tuyết (hàng xóm

của tôi) trả 02 lần vào cuối năm tổng cộng trả được 2.000.000đồng, còn lại 103.000.000đ;

Tại giấy vay nợ ngày 5/5/2019 có tên của ông Nguyễn Mai, (tên thật Nguyễn Văn M) là chồng của bà Trần Thị T1. Ngày 5/5/2019 vợ chồng ông Mai đến năn nỉ tôi cho khất nợ, giấy nợ do bà T1 viết, ông Mai ký tên nhưng do sơ suất khi tôi coi lại giấy nợ ông Mai không ghi họ tên, tôi có gọi ông Mai nhưng ông nói như vậy cũng được, vì quá tin tưởng nên tôi nghĩ không cần, số tiền này là vợ chồng cùng vay mượn nên vợ chồng cùng có trách nhiệm trả.

Tôi yêu cầu ông Nguyễn Văn M, bà Trần Thị T1 trong vòng 01 tháng trả dứt điểm số tiền 103.000.000đồng, không yêu cầu trả lãi.

Tại đơn xin trình bày ngày 11/7/2024 và biên bản lấy lời khai ngày 06/8/2024, bị đơn bà Trần Thị T1 trình bày: Nguyên trước đây tôi mua bán quần áo tại chợ Phú Lâm, có chơi chân huê của bà L và có vay mượn thêm tiền để làm vốn mua bán, hai bên tin tưởng không viết giấy tờ gì. Hàng ngày tôi đóng huê cho bà L đầy đủ, đến năm 2019 tôi không có khả năng trả số tiền nợ lớn nữa nên có xin bà L chốt lại số tiền gốc và lãi của khoản nợ vay và huê, hụi, không phát sinh lãi thêm nữa để tôi cố gắng trả nợ nên tôi viết giấy nợ ngày 05/5/2019 (dương lịch) cho bà L, nhận nợ số tiền 105.000.000đồng, thỏa thuận mỗi tháng trả 4.000.000đồng. Tại giấy vay nợ này có tên của ông Nguyễn Văn M là chồng tôi, vì lúc viết giấy bà L ép phải có chồng ký tên, trong khi đó, việc tôi vay mượn tiền và chơi huê hụi tại chợ anh Mai không biết, tôi rất sợ chồng tôi biết nên mới giả chữ ký của chồng tôi ký vào giấy nợ đưa cho bà L.

Sau khi viết giấy nợ, hàng tháng tôi đều trả 4.000.000đồng từ tháng 5/2019 đến tháng 9/2019 được 20.000.000đồng. Sau đó, không có tiền thì hàng tháng trả 2.000.000đồng từ tháng 10/2019 đến tháng 1/2020 được 8.000.000đồng. Sau đó, vì bế tắc không có tiền trả nợ, tôi bỏ đi làm ăn xa, nhưng cuối năm vẫn gửi tiền về nhờ con gái tôi hoặc chị Nguyễn Thị Tuyết bán xôi gần nhà bà L gửi trả cho bà L, từ năm 2020 đến năm 2024, mỗi năm 1.000.000đồng, trong 04 năm trả được 4.000.000đồng. Như vậy, tổng cộng tôi đã trả cho bà L 32.000.000đồng.

Sau khi viết giấy nợ tôi đều trả đầy đủ cho bà L nên từ đó đến nay bà L không khởi kiện tôi. Đến nay bà L mới yêu cầu trả nợ, tôi yêu cầu Tòa áp dụng thời hiệu khởi kiện, không đồng ý trả lãi, chỉ chấp nhận trả gốc 73.000.000đồng; hàng tháng tôi làm được bao nhiêu sẽ gửi về trả cho bà L, không biết sẽ trả bao nhiêu do thu nhập bấp bênh.

Đại diện ủy quyền của bị đơn trình bày: Theo như trình bày của mẹ tôi ủy quyền lại, thừa nhận có viết và ký vào giấy nợ ngày 5/5/2019, nhận nợ 105.000.000đồng, trả được 32.000.000đồng nhưng không viết giấy tờ gì nên không có tài liệu cung cấp cho tòa. Đến nay, khoản nợ đã lâu yêu cầu Tòa áp dụng thời hiệu khởi kiện, không đồng ý trả lãi. Bị đơn chấp nhận trả số nợ 103.000.000đồng, nhưng xin bà L tạo điều kiện để mẹ tôi trả dần, làm có nhiêu trả nhiêu vì hiện tại mẹ tôi bệnh tai biến, phải đi làm xa, thu nhập bấp bênh.Tại giấy vay nợ này có tên của ông Nguyễn Văn M là ba tôi, nhưng là do mẹ tôi (Tuyết) giả chữ ký của ba tôi ký vào giấy nợ đưa cho bà L, nên không viết họ tên vào giấy. Số nợ này không liên quan đến ba tôi. Chỉ có một mình mẹ tôi (Tuyết) vay mượn thì có trách nhiệm trả.

Bị đơn Nguyễn Văn M vắng mặt nên không có lời trình bày.

Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành hòa giải nhưng không hòa giải được.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn Trần Thị Kim L giữ nguyên trình bày và yêu cầu như trên.

Bị đơn Nguyễn Văn M trình bày: khi bà Trần Thị T1 buôn bán tại chợ Phú Lâm thì tôi cũng làm nghề thợ mộc, có thu nhập ổn định; bà T1 tự ý vay mượn, chơi huê hụi tại chợ Phú Lâm, tôi không đồng ý cho bà T1 chơi huê, vay nóng nhưng bà T1 lén lút, chờ tôi đi làm thì vay tiền của người khác làm gì tôi không biết. Đến năm 2019 bắt đầu vỡ nợ, bà T1 bỏ đi vào thành phố Hồ Chí Minh làm thuê nhưng thu nhập ít nên đến cuối năm gửi về 1.000.000đồng để trả cho bà L. Mặc dù là vợ chồng nhưng tôi không đồng ý việc bà T1 chơi huê, vay nóng tại chợ Phú Lâm, bà T1 vay tiền làm gì tôi cũng không biết nên tôi không ký vào giấy vay nợ mà bà Trần Thị Kim L nộp cho Tòa, bà T1 tự đi vay thì tự trả, tôi không có trách nhiệm trả nợ.

Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

Về thủ tục tố tụng: Việc thụ lý, thu thập chứng cứ từ khi thụ lý đến khi xét xử tuân thủ đúng theo quy định pháp luật. Hội đồng xét xử và thư ký phiên tòa đã tuân thủ đầy đủ các thủ tục tố tụng khi tiến hành xét xử tại phiên tòa. Bị đơn Trần Thị T1 đã được triệu tập nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa nên phải chịu hậu quả pháp lý; Về nội dung vụ án: Áp dụng các Điều 463, 466, 468 Bộ luật dân sự năm 2015. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, buộc bị đơn Trần Thị T1 trả nguyên đơn 103.000.000đồng, không tính lãi suất; án phí: theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật: Nguồn gốc số tiền vay từ 02 khoản tiền huê, hụi không trả nên vào ngày 05/5/2019 nguyên đơn, bị đơn đã xác nhận nợ, thỏa thuận số tiền nợ 105.000.000đồng, hàng tháng trả 4.000.000đồng và viết giấy nợ ngày 05/5/2019. Như vậy, quan hệ tranh chấp xuất phát từ số tiền nợ theo giấy vay ngày 05/5/2019, bị đơn có hộ khẩu thường trú tại phường Phú Lâm, thành phố Tuy Hòa nên xác định đây là tranh chấp về hợp đồng dân sự quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân thành phố Tuy Hoà theo điểm a khoản 1 Điều 35, điểm b khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Bị đơn cho rằng giấy nợ ngày 05/5/2019 đến nay đã hết thời hiệu khởi kiện nên yêu cầu áp dụng thời hiệu khởi kiện. Xét thấy, cả nguyên đơn và bị đơn đều xác định cuối năm 2023 bị đơn gửi trả 1.000.000đồng, do đó, thời hiệu khởi kiện bắt đầu lại vào cuối năm 2023 theo quy định tại khoản 1 Điều 157 Bộ luật Dân sự. Tính đến thời điểm khởi kiện là ngày 15/5/2024, vẫn còn thời hiệu khởi kiện theo quy định tại Điều 429 Bộ luật Dân sự.

[1.2] Bị đơn được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt nên căn cứ các Điều 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đương sự.

[2] Về yêu cầu khởi kiện:

[2.1] Về nghĩa vụ trả nợ: Tại giấy nợ ngày 5/5/2019 chỉ có chữ ký, chữ viết của bà Trần Thị T1, phía dưới chữ viết Trần Thị T1 có chữ ký nhưng không ghi rõ họ tên. Nguyên đơn đề nghị giám định chữ ký tại giấy nợ ngày 05/5/2019 để xác định đúng là chữ ký của ông Nguyễn Văn M; Tuy nhiên, theo công văn số 294/PC09 ngày 07/10/2024 của Phòng kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Phú Yên từ chối đối với trưng cầu giám định vì không đủ yếu tố để tiến hành giám định so sánh và kết luận truy nguyên người ký. Bị đơn Trần Thị T1 trình bày vì mục đích cá nhân nên chỉ một mình bà Trần Thị T1 vay mượn tiền và tự ký tên vào giấy nợ, ông Mai không biết việc vay mượn tiền của bà Trần Thị T1; ông Nguyễn Văn M trình bày không biết việc vay mượn của bà Trần Thị T1 và không đồng ý trả nợ. Do đó, không có cơ sở để khẳng định ông Nguyễn Văn M ký tên và có nghĩa vụ trả số nợ theo giấy nợ ngày 5/5/2019.

[2.1] Về số tiền gốc: Theo bản gốc giấy nợ ngày 05 tháng 5 năm 2019, bị đơn Trần Thị T1 vay của nguyên đơn số tiền 105.000.000đồng, thỏa thuận mỗi tháng trả 4.000.000đồng, nguyên đơn xác nhận vào cuối năm 2022 và cuối năm 2023 thông qua chị Dung, bà Nguyễn Thị Tuyết, bị đơn Trần Thị T1 trả 2.000.000đồng; bị đơn Trần Thị T1 cho rằng từ tháng 5 năm 2019 đến cuối năm 2023 mặc dù thu nhập khó khăn nhưng bị đơn đã trả được tổng cộng 32.000.000đồng;

Tuy nhiên, bị đơn không cung cấp được tài liệu chứng cứ về việc trả nợ; lời trình bày của bà Nguyễn Thị Tuyết tại biên bản lấy lời khai ngày 06/8/2024, xác nhận chị Dung (con bà Trần Thị T1) có nhờ bà trả 02 lần, mỗi lần 1.000.000đồng, tổng số tiền 2.000.000đồng vào cuối năm 2022 và cuối năm 2023, phù hợp với xác nhận của nguyên đơn, bị đơn đã trả được 2.000.000đồng.

Do đó, có đủ cơ sở chấp nhận yêu cầu đòi số tiền nợ gốc 103.000.000đồng của nguyên đơn.

[2.2] Về lãi suất: Tại giấy nhận nợ ngày 05 tháng 5 năm 2019, hai bên không thỏa thuận kỳ hạn trả nợ, không thỏa thuận lãi, nguyên đơn Trần Thị Kim L không yêu cầu lãi suất nên không xét.

[3] Về án phí: Căn cứ Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Bị đơn Trần Thị T1 phải chịu án phí DSST.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 184, 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 463, 466, 468, 470 Bộ luật dân sự năm 2015

Điều 26 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Trần Thị Kim L.

Buộc bị đơn Trần Thị T1 phải trả cho nguyên đơn Trần Thị Kim L số tiền 103.000.000đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và có đơn yêu cầu thi hành án đến khi thi hành xong bị đơn còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự 2015.

2. Không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn về việc buộc ông Nguyễn Văn M cùng có trách nhiệm trả nợ với bà Trần Thị T1.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

3.1. Bị đơn Trần Thị T1 phải chịu 5.150.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

3.2. Nguyên đơn Trần Thị Kim L được miễn tạm ứng án phí, án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

Nơi nhận:
-VKSND thành phố Tuy Hòa
- VKSND tỉnh Phú Yên
-TAND tỉnh Phú Yên
-Các đương sự
-Chi cục thi hành án dân sự thành phố Tuy Hòa
-Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phan Thị Lệ Siêng